**ÔN TẬP VỀ TỪ TRÁI NGHĨA**

**1. Khái niệm**: Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau.

- Việc đặt các từ trái nghĩa bên cạnh nhau có tác dụng làm nổi bật những sự vật, sự việc, hoạt động, trạng thái,. . . .

\* Xem thêm: Một từ có thể có nhiều từ trái nghĩa với nó, tuỳ theo từng lời nói hoặc câu văn khác nhau.

- Sự đối lập về nghĩa phải đặt trên một cơ sở chung nào đó.

VD: Với từ "nhạt":

- (muối) nhạt > < mặn: cơ sở chung là "độ mặn"

- (đường ) nhạt > < ngọt: cơ sở chung là "độ ngọt"

- (tình cảm) nhạt > < đằm thắm : cơ sở chung là "mức độ tình cảm"

- (màu áo) nhạt > < đậm: cơ sở chung là "màu sắc".

**BÀI TẬP VẬN DỤNG**

**Bài 1**. Khoanh vào đáp án đúng:

Câu 1: Trong các thành ngữ sau đây, thành ngữ nào không chứa cặp từ trái nghĩa?

A. Gần nhà xa ngõ

B. Lên thác xuống ghềnh

C. Nước chảy đá mòn

D. Ba chìm bảy nổi

Câu 2: Cặp từ trái nghĩa nào dưới đây được dùng để tả trạng thái?

A. Vạm vỡ - gầy gò

B. Thật thà - gian xảo

C. Hèn nhát - dũng cảm

D. Sung sướng - đau khổ

Câu 3: Từ trái nghĩa với từ “hoà bình” là:

A. bình yên

B. thanh bình

C. hiền hoà

D. Chiến tranh.

Câu 4: Từ nào trái nghĩa với từ chăm chỉ?

A. Lười biếng

B. cần mẫn

C. siêng năng

D. chuyên cần

Câu 5. Trái nghĩa với từ hạnh phúc là

A. Phúc hậu

B. Giàu có

C. Bất hạnh

D. Toại nguyện

**Bài 2:** Với mỗi từ gạch chân dưới đây, hãy tìm một từ trái nghĩa:

a) Già: Quả già ; Người già ; Cân già

b) Chạy: Người chạy ; Ô tô chạy ; Đồng hồ chạy

c) Chín: Lúa chín ; Thịt luộc chín ; Suy nghĩ chín chắn

**Bài 3:** Tìm 3 cặp từ trái nghĩa nói về việc học hành. Hãy đặt một câu với một trong 3 cặp từ trái nghĩa đó.

**Bài 4.** Thành ngữ, tục ngữ nào dưới đây chứa từ trái nghĩa ? Đó là những từ nào ?

a) Ở hiền gặp lành.

b) Cao chạy xa bay.

c) Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

d) Chết trong còn hơn sống đục.

**Bài 5.**

a) Nối ô chữ bên trái với ô chữ thích hợp bên phải để được các thành ngữ, tục ngữ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lành ít |   | người khóc. |
| Kẻ cười |   | dữ nhiều. |
| Nguồn đục |   | ngoài êm, |
| Trong ấm |   | dòng cũng đục. |

b) Câu nào có chứa các từ trái nghĩa? Đó là những từ nào?

**Bài 6.** Tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau :

a) khiêm tốn -…….

b) tiết kiệm -……….

c) cẩn thận -……………

d) nhọc nhằn -……………

**Bài 7**. Gạch dưới các cặp từ trái nghĩa trong những câu thơ sau :

a. Sáng ra bờ suối, tối vào hang

Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.

b. Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay

Ra sông nhớ suối có ngày nhớ đêm.

c. Có gì đâu, có gì đâu

Mỡ màu ít, chắc dồn lâu hóa nhiều.

**Bài 8:** Tìm các từ trái nghĩa chỉ:

Sự trái ngược về thời gian: ……………………………………………………………………………

Sự trái ngược về khoảng cách: ………………………………………………………………………. .

Sự trái ngược về kích thước thẳng đứng: …………………………………………………………….

Sự trái ngược về trí tuệ: ……………………………………………………………………………….

**Bài 9:** Tìm những cặp từ trái nghĩa :

Miêu tả tính cách:

………………………………………………………………………………

Miêu tả tâm trạng

………………………………………………………………………………

Miêu tả cảm giác:

…………………………………………………………………………

**Bài 10.** Tìm từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh các tục ngữ dưới đây:

Chết đứng còn hơn sống …. .

Chết ……. còn hơn sống đục

Chết vinh còn hơn sống……

Chết một đống còn hơn sống ……

**Bài 11:** Tìm từ trái nghĩa trong khổ thơ dưới đây. Phân tích tác dụng cặp từ trái nghĩa tìm được.

Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ

Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 1:**

Câu 1: C Câu 2: D Câu 3: D

Câu 4: A Câu 5:C

**Bài 2**: a) non, trẻ , non.

b) đứng, dừng, chết.

c) xanh, sống, nông nổi

**Bài 3** : VD: *chăm chỉ / lười biếng ; sáng dạ / tối dạ ; cẩn thận / cẩu thả.*……

**Bài 4.** Thành ngữ, tục ngữ nào dưới đây chứa từ trái nghĩa ? Đó là những từ nào ?

d) **Chết** trong còn hơn **sống** đục.

**Bài 5.**

a) Nối ô chữ bên trái với ô chữ thích hợp bên phải để được các thành ngữ, tục ngữ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lành ít |   | người khóc. |
| Kẻ cười |   | dữ nhiều. |
| Nguồn đục |   | ngoài êm, |
| Trong ấm |   | dòng cũng đục. |

b) Câu nào có chứa các từ trái nghĩa? Đó là những từ nào?

Lành ít dữ nhiều (lành –dữ; ít – nhiều)

Kẻ cười người khóc (cười- khóc)

Trong ấm ngoài êm (trong- ngoài)

**Bài 6.** Tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau :

a) khiêm tốn – Kiêu căng

b) tiết kiệm – hoang phí

c) cẩn thận – cẩu thả

d) nhọc nhằn – nhàn nhã

**Bài 7**. Gạch dưới các cặp từ trái nghĩa trong những câu thơ sau :

a. **Sáng** *ra* bờ suối, **tối** *vào* hang

Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.

b. Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay

Ra sông nhớ suối có ngày nhớ đêm.

c. Có gì đâu, có gì đâu

Mỡ màu ít, chắc dồn lâu hóa nhiều.

**Bài 8:** Tìm các từ trái nghĩa chỉ:

Sự trái ngược về thời gian: sáng – tối, ngày- đêm,..

Sự trái ngược về khoảng cách: rộng- hẹp, xa- gần…

Sự trái ngược về kích thước thẳng đứng: lớn- nhỏ, to- bé…

Sự trái ngược về trí tuệ: thông minh- ngu dốt…

**Bài 9:** Tìm những cặp từ trái nghĩa :

Miêu tả tính cách: tốt- xấu, hiền lành- hung dữ,..

Miêu tả tâm trạng: vui- buồn, hạnh phúc- đau khổ..

Miêu tả hành động: khóc- cười; đứng – ngồi, lên – xuống..

**Bài 10.**

Chết đứng còn hơn sống **quỳ**

Chết **trong** còn hơn sống đục

Chết vinh còn hơn sống **nhục**

Chết một đống còn hơn sống **một mình**

**Bài 11:** Tìm từ trái nghĩa trong khổ thơ dưới đây. Phân tích tác dụng cặp từ trái nghĩa tìm được.

Lưng núi thì **to** mà lưng mẹ **nhỏ**

Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.

Gợi ý: Cặp từ trái nghĩa này tạo nên ấn tượng về sự đối lập giữa lưng núi to và lưng mẹ nhỏ. Lưng mẹ nhỏ nhưng vẫn là cái nôi êm đềm cho con ngủ. Lưng mẹ không to như lưng núi, nhưng tình thương yêu mẹ dành cho con thì không gì sánh nổi… Cặp từ trái nghĩa to / nhỏ đã góp phần diễn tả nội dung nói trên.